

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DEVOTEC

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH LAS-XD 24.042

HỒ SƠ NĂNG LỰC



HÀ NỘI - 2026

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DEVOTEC

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DEVOTEC**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **DEVOTEC TRADING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên công ty viết tắt: **DEVOTEC.,JSC**

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ: Nhà A4, ngõ 2, phố Trần Cung, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0981266966

3. Kinh nghiệm và lĩnh vực hoạt động:

Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Devotec được thành lập năm 2019. Với năng lực và kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành xây dựng của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ nhân viên. Doanh nghiệp chúng tôi đã bước đầu khẳng định được vị thế trong lĩnh vực xây dựng nói chung đặc biệt trong lĩnh vực kiểm định nói riêng. Doanh nghiệp chúng tôi đã đảm nhận những công trình có yếu tố kỹ thuật phức tạp, đảm bảo yêu cầu chất lượng khắt khe nhất trong các tiêu chuẩn và quy chuẩn về quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

Bên cạnh đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, năng động và nhiệt huyết, công ty không ngừng đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác xây dựng và kiểm định công trình.

II. GIỚI THIỆU PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH – DEVOTEC

1. Thông tin chung Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình trực thuộc Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ DEVOTEC, chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 2020. Đây là đơn vị chuyên môn mũi nhọn hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm, đánh giá chất lượng công trình và nghiên cứu vật liệu mới.

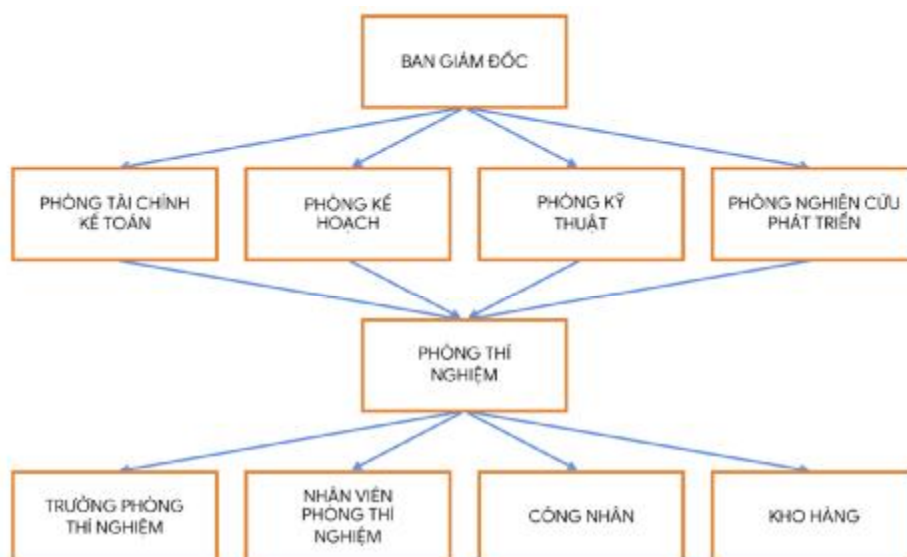
2. Chức năng và Nhiệm vụ trọng tâm Phòng thí nghiệm được định hướng phát triển song song hai nhiệm vụ chính:

- **Kiểm định và đánh giá chất lượng:** Thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra đo lường các chỉ tiêu kỹ thuật và chất lượng của vật liệu xây dựng, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành cho các dự án thi công.
- **Nghiên cứu và phát triển (R&D):** Đây là mục tiêu cốt lõi của đơn vị. Phòng thí nghiệm chủ động phối hợp với các tổ chức, đối tác chuyên môn để nghiên cứu, thực nghiệm và đưa vào sản xuất các dòng vật liệu xây dựng tiên tiến, mang tính năng cao nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng khắt khe của ngành xây dựng hiện đại.

3. Năng lực pháp lý và Quá trình hoạt động Phòng thí nghiệm luôn đảm bảo đầy đủ năng lực pháp lý và tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước:

- **Giai đoạn đầu:** Được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với mã số **LAS-XD 148**.
 - **Giai đoạn 2024:** Ngày 15/05/2024, do thay đổi địa điểm hoạt động, đơn vị được Sở Xây dựng TP. Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận số 23/GCN-SXD (GDCL), mang mã số phòng thí nghiệm mới là **LAS-XD 24.042**.
 - **Hiện tại:** Căn cứ theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, Công ty DEVOTEC đã quyết định điều chuyển vị trí và chính thức công bố lại năng lực hoạt động của phòng thí nghiệm tại cơ sở mới.
- **Địa chỉ hoạt động hiện nay:** Số 10, đường Đồng Khởi, xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM



SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0108822566

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 07 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 26 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DEVOTEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEVOTEC TRADING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DEVOTEC.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà A4, ngõ 2, phố Trần Cung, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981266966

Số Fax:

Thư điện tử: devotec24@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 300.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN PHÚ ĐỨC

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/06/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034090007650

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tú Linh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HĐ PTN CHUYÊN NGÀNH XD

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /GCN-SXD(GĐCL) Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Devotec; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/4/2024; Văn bản số 194/CV-DEVOTEC ngày 19/4/2024 của Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Devotec về việc khắc phục các tồn tại trong biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/4/2024 của đoàn đánh giá Sở Xây dựng Hà Nội; Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 14/5/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Devotec.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0108822566 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 01 năm 2024.

Mã số thuế: 0108822566.

Địa chỉ: Số 25 gác 152/29 phố Nguyễn Đình Hoàn, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0906.060.499.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.

2

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 28 ngõ 61, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.042.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 259/GCN-BXD ngày 12/11/2020 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Devotec;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P. QLKT&GDCL (H.A.T, 05b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Công

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC

Số: 21/QĐ/TN-DEVOTEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Điều động nhân sự và các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm tại hiện trường theo hợp đồng)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DEVOTEC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần thương mại và công nghệ DEVOTEC
- Căn cứ theo giấy chứng nhận số 23/GCN – SXD(GDCL) của sở xây dựng Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2024.
- Căn cứ theo hợp đồng số 12/KH-HD giữa Công ty cổ phần Sumen Việt Nhật và Công ty cổ phần thương mại và công nghệ DEVOTEC ngày 15 tháng 6 năm 2024
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chuyển các nhân sự thuộc Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng công trình Las – XD 24-042 (danh sách kèm theo) đến làm việc thường trực tại hiện trường theo địa chỉ: thôn 6, Thạch Hoà, Thạch Thất, tp, Hà Nội.

Điều 2: Di chuyển một số thiết bị máy móc thí nghiệm (danh mục kèm theo) của Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng công trình Las – XD 24.042 tại địa chỉ: Số 28, Ngõ 61, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Hà nội về địa chỉ: thôn 6, Thạch Hoà, Thạch Thất, tp, Hà Nội.

Điều 3 : Ông trưởng phòng Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng công trình Las – XD 24.042 có trách nhiệm quản lý, tổ chức, phân công nhiệm vụ, giám sát hoạt động thí nghiệm của phòng tại hiện trường đảm bảo an toàn, hiệu quả, khách quan.

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG LAS-XD 24.042

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC
-----co00o-----
Số: 2005/2026/PTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-----***-----

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hà Nội ;
Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ ;
Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát,
nhà thầu thi công, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây
dựng,

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần thương mại
và công nghệ DEVOTEC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0108822566
- Địa chỉ : Nhà A4, ngõ 2, phố Trần Cung, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam
- MST: 0108822566
- Điện thoại: 0981266966 - Email: devotecjsc@gmail.com
- Giám đốc: Ông Nguyễn Phú Đức
2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất
lượng Công trình (LAS – XD24.042)
- Địa chỉ: Số 10, Đường Đồng Khởi, Xã Lương Sơn, Phú Thọ
- Điện thoại : 0988820328 Email: ptncongrinh@gmail.com
3. Mã số phòng thí nghiệm đã được Sở Xây dựng TP Hà Nội cấp : LAS-XD 24.042 Theo
giấy chứng nhận số 23/GCN – SXD(GDCL) ngày 15/5/2024.
4. Thông tin năng lực

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023, ASTM C786, C430	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa	1, Trần Văn Đồng 2, Nguyễn Văn Dương
2	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348	Sàng (ISO 2591 và 3310-1), kích thước mắt sàng (ISO 565), máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn (diện hình), máy thử độ bền uốn (10Kn,1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400Kn;200N/s), gá định vị,	3, Nguyễn Huy Trường

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
			tủ dưỡng hồ nhiệt ẩm	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C266, C451, C807	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lọc mẫu, khuôn La Chaterlier	
4	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2004 ASTM C452	Thiết bị đo độ nở sun phát Khuôn đúc mẫu Cân kỹ thuật, đồng hồ so; khuôn 25x25x285 mm và thiết bị đo sự thay đổi chiều dài mẫu	
5	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713:2007 ASTM C1012	Thiết bị đo độ nở sun phát Khuôn đúc mẫu Cân kỹ thuật, đồng hồ so; khuôn 25x25x285 mm và thiết bị đo sự thay đổi chiều dài mẫu	
II THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
6	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136:06	Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 µm; 315 µm; 630 µm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C.	1, Trần Văn Đồng 2, Nguyễn Tiến Dũng 3, Nguyễn Huy Trường 4, Phạm Ngọc Ánh
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-12; ASTM C128-12	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	
8	Xác định khối lượng	TCVN 7572-	Cân kỹ thuật, có độ chính	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	5:2006; ASTM C127:12	xác 1%;- Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu;- Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô;- Thước kẹp;- Bàn chải sắt;- tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C	
9	Xác định độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29-09	Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110°C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.	
10	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566:04	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đào mẫu (thìa hoặc dao).	
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-04; ASTM C142-17	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.	
12	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40:11	- Ống hình trụ bằng thủy tinh có dung tích 250ml và 100ml - Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1% - Bếp cách thủy - Sàng có kích thước lỗ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
			20mm - Thang màu để so sánh - Dung dịch: NaOH 3%, tananh 2%, rượu êtylic 1%	
13	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C2938:02	- Máy nén thủy lực có lực ép đạt 500KN - Xi lanh bằng thép có đáy rơi - Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006 - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C	
14	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	- Máy nén thủy lực - Máy mài nước - Thùng hoặc chậu để ngâm nước - Máy khoan và máy cưa đá	
15	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535; AASHTO T96, T32	- Thước kẹp - Máy thử độ hao mòn va đập Los Angeles có các viên bi thép khối lượng từ 390g đến 445g trên 1 viên - Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Bộ sàng kích thước 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36; 1,7mm - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C	
16	Xác định hàm lượng hạt toai dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Thước kẹp cái tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C	
17	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:2006; EN 1744-5; ASTM C1152:2019	- Cân phân tích độ chính xác 0,0001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khô	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
			330mmx210mm - Đũa thủy tinh	
18	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật với độ chính xác 0,01 g; - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; - Kim sắt và kim nhôm; búa con	
19	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân (0.001g); tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; giấy nhám; đũa thủy tinh	
20	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91; AASHTO T176	Máy nén thủy lực Dụng đo modun đàn hồi Đồng hồ biến dạng sai số 0,0001mm	
III THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
21	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:11; EN 1051-1:99	Bộ sàng tiêu chuẩn	1, Trần Văn Đồng 2, Nguyễn Huy Trường
22	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:11; ASTM C109 ASTM C1437:07	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép ($\Phi 10-12\text{mm}$, dài 250mm), chày sắt, xẻng con, bay thợ nề	3, Nguyễn Văn Dũng 4, Nguyễn Văn Dương
23	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình trụ bằng sắt ($1000 \pm 2\text{ml}$), chày đầm, cân kỹ thuật (1g), dao, bay, chày sắt	
24	Xác định khả năng giữ nước của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:11	Đồng hồ bấm giây, giấy lọc, chày sắt, bay, thiết bị tạo chân không	
25	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:11; ASTM C807:08	Thiết bị xác định thời gian đông kết, khuôn đúc mẫu, kim xuyên tiêu chuẩn,...	
26	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:11		
27	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9028:11; ASTM C349, C942 ASTM C109-11b	Khuôn ($40 \times 40 \times 160\text{mm}$), hoặc khuôn ($70,7 \times 70,7 \times 70,7\text{mm}$), máy nén thủy lực ($\pm 2\%$), 2 tấm đệm bằng thép (chày đầm, bộ khuôn gá lắp khi dùng khuôn $70,7 \times 70,7 \times 70,7\text{mm}$), bộ gá uốn	
28	Xác định cường độ	TCVN 3121-	Vòng tròn nón cắt, máy thử	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	12:2022 TCVN 9028:11;	cường độ bám dính, thùng dưỡng hộ, keo gắn	
29	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1218:99 EN 1015-18:02; EN 1015-19:02	Cân kỹ thuật (1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200°C, khăn lau	
30	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cột vữa tại lúc kết thúc đông kết, thay đổi chiều dài mẫu vữa đông rắn	TCVN 9204:12; ASTM C1107	Máy trộn, cân kỹ thuật, nhót kẻ suttard, thùng kim loại 2 lít, nắp dây bằng kính, pipet 2 ml, nguồn sáng, quả bóng chỉ thị, hệ thống thấu kính phóng đại, màn hình hiển thị, khuôn hình trụ chiều cao gấp đôi đường kính	
31	Thí nghiệm xác định cường độ vữa Epoxy	ASTM C942	Máy thử kéo ; Thước thẳng, bằng thép. Kẹp giữ. Băng dính, rộng 25 mm Calip Vernier, có thang chia chính xác đến 0,01 mm. Cân kỹ thuật chính xác đến 1g, Tủ sấy	
32	Xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa và bê tông đông rắn	AASHTO T160 ASTM C157	Thiết bị đo độ nở, co Khuôn đúc mẫu Cân kỹ thuật, đồng hồ so, và thiết bị đo sự thay đổi chiều dài mẫu	
33	Xác định độ chảy xoè của vữa xi măng	ASTM C1437	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	
34	Xác định độ nở và tách nước của vữa rót (grout)	ASTM C940	Thiết bị đo độ tách nở, và thiết bị đo sự thay đổi chiều dài mẫu Khuôn đúc mẫu Cân kỹ thuật, đồng hồ so;	
IV HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
35	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022; ASTM C143 ; AASHTO T119	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	1, Trần Văn Đồng 2, Nguyễn Huy Trường
36	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:2022; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại 5, 15 lít, thiết bị đầm (2800 – 3000 vg/ph, biên độ 0.35 0.5mm), cân kỹ thuật (50g), thước lá thép 400mm	3, Nguyễn Văn Dũng
37	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022; ASTM C232	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật 50kg,	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
			sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt	
38	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993; ASTM C173; AASHTO T152	Cân kỹ thuật 50kg (0.1g), sàng (5, 1, 2, 0.15), tủ sấy, khay sắt, khay sấy, xẻng xúc	
39	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	Bình khối lượng riêng, cân (0.01g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng 2 hoặc 2.5mm, nước lọc, dầu hỏa, cồn 90 ^o	
40	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật (5g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau.	
41	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy	
42	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C1585	Máy thử độ chống thấm, Paraphin, tủ sấy, giá ép mẫu	
43	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:22; ASTM C157; AASHTO T160	Đồng hồ đo độ co ngót, chốt và đầu đo, tủ sấy, tủ khí hậu ($27 \pm 20C$, độ ẩm $80 \pm 5\%$)	
44	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, đệm truyền tải	
45	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:93; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177	Máy nén, Bộ gá thử uốn 2 điểm, thước lá kim loại.	
46	Xác định cường độ kéo khi búa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối truyền tải, đệm gỗ	
47	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	
48	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012	Nhiệt kế, máy thử cường độ bám dính, thùng dưỡng hồ, keo gắn	
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
49	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:12; ASTM D854; AASHTO T100;	Cân kỹ thuật (0.01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), rây 2mm, bếp cách cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, hộp nhôm có nắp	1, Phạm Ngọc Ánh 2, Nguyễn Huy Trường
50	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216	Tủ sấy (t ^o) đến 300 ^o C, cân kỹ thuật (0.01g), hộp nhôm có	3, Nguyễn Văn

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
			nắp), bình hút ẩm có Clorua canxi, rây 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất	Dương 4, Nguyễn Tiến Dũng
51	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318; AASHTO T89; AASHTO T90	Bộ quả dọi Vaxiliep, tấm kính nhám, rây 1mm, cối chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t ⁰), bát sắt tráng men, dao để trộn, dụng cụ Casagrande	
52	Xác định các thành phần cơ hạt	TCVN 4198:12; ASTM C136-06; ASTM D1140, D422; AASHTO T88, T27	Cân kỹ thuật(0.01), bộ rây (10 ; 5 ; 2 ; 1.05 ; 0.25 ; 0.1), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình hút ẩm có Clorua canxi, tủ sấy (t ⁰), quả lê bằng cao su, dao con, cân (01 g), máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế (0.001), bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000 cm ³ , Ø 60 ± 2mm), nhiệt kế (0.5 ⁰ C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút(5cm ³ , 50cm ³), thước thẳng 20cm	
53	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; ASTM D1557, D698; AASHTO T99, T180	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t ⁰), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thủy tinh), dao gạt đất, vỏ đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su	
54	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:12; ASTM D2435, D2937; AASHTO T216	Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm	
55	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193-	Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cái tiến ,	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
		13	- Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,	
VI	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
56	Thử kéo	TCVN 7937-1:2013; TCVN 197-1:2014; TCVN 1651:2008; ISO 6892:2016; ISO 15630-1; ASTM A615; ASTM A370-17; JIS Z2241, Z2201	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	1, Phạm Ngọc Ánh 2, Nguyễn Huy Trường 3, Vũ Ngọc Trinh
57	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 1651:2008; TCVN 5891:2008; ASTM A370, A370; JIS Z2248; ASTM E647; EN 15630-1:2010; ISO 15630-1	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (êđô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,...)	
58	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; EN 10080:05; AASHTO T68-2018, T244-2018	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim	
59	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; EN 10080:05; AASHTO T68-2018, T244-2018; ASTM AWS D1.1-2020; JIS Z3121-2011; EN 12814-2021	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim	
VII	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT			
60	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D 36-00	Cốc chứa chịu nhiệt, giá đỡ vòng bi, bi, nhiệt kế, bếp gia nhiệt có khuấy,...	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Phạm Ngọc Ánh
61	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11; ASTM D 92-16b	Dụng cụ kiểm tra chớp cháy cốc hồ, cốc chứa mẫu bằng đồng, nhiệt kế,...	3, Nguyễn Văn Duong
62	Xác định tổn thất	TCVN 7499:05;	Tủ sấy tổn thất, đĩa + cốc	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

Ngày 20/3/2021

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	khối lượng sau gia nhiệt	ASTM D 6-00	mẫu,....	
63	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05	Cốc thủy, lưới sợi thủy tinh, bộ bình lọc, tủ sấy	
64	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D 70-03	Bình khối lượng thể tích, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, nhiệt kế 100 ⁰ C, chậu, nước cất, nước đá.	
65	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	Cốc mô 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	
VIII THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
66	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D1559; D6927; AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 250 ⁰ C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Phạm Ngọc Ánh 3, Nguyễn Văn Dương
67	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11; ASTM D2172; AASHTO T164A	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ phụ trợ.	
68	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Bộ sàng, cân chính xác 0,1%, tủ sấy.	
69	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041; AASHTO T209(238)	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	
70	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C	
71	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175 ⁰ C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
72	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên	
73	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Phương pháp tính toán		
74	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Phương pháp tính toán		
75	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Phương pháp tính toán		
76	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Phương pháp tính toán		
77	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Phương pháp tính toán		
78	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:11; TCVN 9403:12	Máy ép thủy lực 30kN Bộ gá ép chẻ Thiết bị tạo mẫu Đồng hồ đo lực		
IX	BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA				
79	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	TCVN 12884-2:2020; 22TCN 58:1984; ASTM D5329, D4318; AASHTO T27, T37	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g. Bình thủy tinh 250 ml có miệng rót. Bếp cát. Bình hút ẩm. Phễu thủy tinh. Giấy lọc. Bình để rửa. Tủ sấy. Bát sứ. Nước cất . Lò nung	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Phạm Ngọc Ánh 3, Trần Văn Đồng	
X	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
80	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	Súng thử cường độ bê tông	1, Vũ Ngọc Trinh 2, Nguyễn Văn Dương	
81	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12; TCVN 13537:2022 ASTM C597; ASTM 1383	Máy siêu âm bê tông, Súng thử cường độ bê tông		
82	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805M-08; JIS A1155:12; TCVN 13536:2022	Máy siêu âm bê tông, súng bật nảy, đá mài, chất bôi trơn		
83	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12	Máy đo chiều dày và định vị cốt thép bằng siêu âm		
84	Xác định độ lún, độ	TCVN 9360:2012;	Máy trắc địa, toàn đạc, kinh		

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	ngiêng công trình	TCVN 9400:2012	vĩ, GPS	
85	Xác định độ dịch chuyển ngang công trình	TCVN 9399:2012	Máy trắc địa, toàn đạc, kinh vĩ, GPS	
86	Xác định ứng suất tĩnh, chuyển vị, dao động và gia tốc của cầu	22TCN 243:98; ASTM E837-01; ASTM C215-97; 22TCN 170:87 TCN 114478:2025	Hệ thống quan trắc, đo ứng suất, đo chuyển vị, đo gia tốc, đầu đo, bộ đọc, bộ truyền dữ liệu,	
XI THỬ NGHIỆM DUNG TRỌNG BENTONITE				
87	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước, độ ẩm	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; ASTM D4972	Bộ dụng cụ bentonite Dụng cụ đo pH Tỷ trọng kế hoặc Bomê kế Phễu 500/700 cm ³ Dụng cụ đo lực cắt tĩnh Dụng cụ đo độ dày áo sét Dụng cụ đo độ ổn định thể tích	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Phạm Ngọc Ánh 3, Nguyễn Văn Dương
XII THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, NGÓI				
88	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Dùng thước lá Thước kẹp, cân chuẩn, thước vuông góc.	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Nguyễn Văn Dương
89	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	Máy nén thủy lực có bảng lực từ 30 đến 60, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.	
90	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo	
91	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
92	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.	
93	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,	
94	Gạch bê tông tự chèn: Xác định	TCVN 6476:1999	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu.	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ mài mòn, độ hút nước, độ rỗng		- Bay chảo để hồ trộn xi măng. - Máy nén có thang lực thích hợp -Bộ má ép bằng thép Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Thùng để ngâm mẫu Thước cặp thép có độ chính xác 0.01ml , cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g, tủ sấy, cát , máy mài gạch,	
95	Gạch Tezzarro: Thí nghiệm kích thước, độ bền uốn, độ hút nước, độ co khô, độ mài mòn	TCVN 7744:13	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
96	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. - Thước lá chia vạch 1mm, - Các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu, bay, chảo trộn mẫu - máy nén có thang lực thích hợp - Cân kỹ thuật chính xác đến 1g, - Cát khô - các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày 15mm Thiết bị thử được chế tạo bằng tôn tráng kẽm hoặc bằng đồng, các mối hàn và bu lông phải chắc chắn để nước không rò ra ngoài ống đo nước có đường kính 35-40mm và có vạch chia tới 2ml	
97	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, xác định: kích	TCVN 9030:17	- Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô		xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm đường kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu - Thiết bị thử độ co - Đồng hồ đo biến dạng - Tủ sấy , Cân kỹ thuật	
98	Ngói đất sét nung, Ngói xi măng: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian không xuyên nước, khuyết tật ngoại quan, khối lượng 1m ² ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:2023; TCVN 1452:2004	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm đường kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu - Thiết bị thử độ co - Đồng hồ đo biến dạng - Tủ sấy , Cân kỹ thuật	
XIII THÍ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT				
99	Xác định kích thước và hình dáng	TCVN 6415-2:16	Thước calip, thước thép, bàn đo chuẩn, đồng hồ đo biến dạng	1, Nguyễn Tiến Dũng 2, Nguyễn Văn Dương
100	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:16	Tủ sấy, thiết bị gia nhiệt, bình hút ẩm, máy hút chân không	
101	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:16	Máy nén uốn, thanh đỡ, đồng hồ đo áp lực, tủ sấy	
102	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415-18:16	Khung đo, các thanh thép, lò nung, thước đo, thiết bị đun mẫu, bộ đo độ cứng theo thang Mohs,....	
XIV VẬT LIỆU EPOXY & VẬT LIỆU EPOXY CỐT SỢI (COMPOSITES - FRP)				
103	Xác định cường độ chịu kéo, mô đun đàn hồi khi kéo	ASTM D638-02a ASTM D3039/D3039M-95a	Máy kéo nén điện tử, Extension đo giãn dài, các ngâm kéo tương ứng phù hợp	1, Vũ Ngọc Trinh 2, Nguyễn Văn Dương
104	Xác định cường độ và mô đun đàn hồi	ASTM D790-03	Máy kéo nén điện tử Bộ giá uốn, khuôn đúc mẫu,	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
	khí uốn		thước kẹp...	3, Nguyễn Tiến Dũng
105	Xác định cường độ liên kết của Epoxy với bề tông	ASTM C882/C882M-05e1	Máy kéo nén phù hợp kích thước mẫu, thùng dưỡng hộ, keo gắn, khuôn đúc mẫu	4, Nguyễn Huy Trường
106	Phương pháp kiểm tra độ bám dính của lớp phủ	ASTM D4541	Máy thử cường độ bám dính, thùng dưỡng hộ, máy cắt, keo gắn...	
107	Xác định cường độ bám dính của vật liệu FRP với bề mặt bê tông	ASTM D7522/D7522M-21	Máy thử cường độ bám dính, thùng dưỡng hộ, keo gắn	
108	Xác định độ nhớt động học (và tính toán độ nhớt động lực) bằng nhớt kế	TCVN 3171:2011; ASTM D445-11	Cân kỹ thuật, ống đong các loại, phễu thủy tín, bình tam giác, khăn lau, nhớt kế hoặc máy đo độ nhớt, tủ sấy, đồng hồ bấm giây	
109	Xác định cường độ nén của nhựa cứng (Standard test method for compressive properties of rigid plastics)	ASTM D695-2a	Máy kéo nén điện tử, khuôn đúc mẫu, máy cắt, bộ gá nén, thước kẹp ...	
110	Xác định độ bền cắt của nhựa bằng công cụ đục lỗ (Standard Test Method for Shear Strength of Plastics by Punch Tool)	ASTM D732	Dụng cụ đục lỗ hoặc máy kéo nén kèm bộ gá cắt	
111	Xác định độ nhớt hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-1:2008	Cân kỹ thuật, ống đong các loại, phễu thủy tín, bình tam giác, khăn lau, nhớt kế, tủ sấy, bình ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây	
112	Xác định độ chảy sệ hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-2:2008	Cân kỹ thuật, ống đong các loại, phễu thủy tín, bình tam giác, khăn lau, nhớt kế, tủ sấy, bình ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây	
113	Xác định cường độ kết dính hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-4:2008	Máy thử cường độ bám dính, thùng dưỡng hộ, keo gắn	
114	Xác định cường độ chịu nén ở điểm chảy hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-9:2008	Máy thử cường độ bám dính, thùng dưỡng hộ, keo gắn	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

Ngày 20/5/2022

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm Viên
115	Xác định độ giãn dài khi đứt hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-10:2008	Máy kéo nén điện tử, khuôn đúc mẫu, Extension đo giãn dài, các ngàm kéo tương ứng phù hợp	
116	Xác định cường độ liên kết hệ chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông	TCVN 7952-11:2008	Thiết bị kéo, nén, uốn các ngàm kéo tương ứng phù hợp	
XV	PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG			
117	Xác định độ mịn, khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính, thành phần hóa học, khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia	TCVN 8827:2011; TCVN 8825:2011; ASTM C311-2011; ASTM C1240-2011	Cân kỹ thuật 0,001g, ống đong thủy tinh, pipet, hoá chất các loại, tủ sấy 300 độ, khay trộn mẫu, sàng độ mịn 0,09mm, bình ti trọng,	1, Trần Văn Đồng 2, Nguyễn Huy Trường 3, Nguyễn Tiến Dũng
XVI	VÀI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM			
118	Cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010; ASTM D4595; ASTM D4632	Máy kéo nén điện tử và thiết bị đo độ giãn dài cùng các bộ gá	1, Nguyễn Văn Dương 2, Phạm Ngọc Ánh 3, Nguyễn Tiến Dũng 4, Vũ Ngọc Trinh
119	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533	Máy kéo nén điện tử và bộ ngàm kẹp.	
120	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241	Thiết bị nén; Thiết bị đo. Mũi xuyên đặcNgàm kẹp dạng phẳng có tiết diện hình vành khăn gồm hai má kẹp.	
121	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833	Thiết bị nén; Thiết bị đo độ chính xác dải đo $\pm 0,1$ mm. Mũi xuyên đặc; có độ cứng không dưới 30 Hrc; đường kính mũi (8 + 0,01) mm; bề mặt mũi xuyên phẳng; góc vát đầu mũi 450 .	
122	Xác định kích thước lỗ	TCVN 8871-6:2011; TCVN 8486:2010; ASTM D4751	Thiết bị lắc; Khay, nắp và khung rây đường kính 200 mm. Hạt thủy tinh hình cầu với các cỡ đường kính hạt phù hợp. Bộ phận khử tích điện, chất phun "khử tĩnh điện". Tủ sấy Khay, để hứng hạt thủy tinh lọt qua rây	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

5. Cam kết

Tổ chức cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác và đã được công bố công khai trên Website của Công ty cổ phần thương mại và công nghệ Devotec: DevotecJSC.vn
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phú Đức

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

PHỤ LỤC

DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

1. Danh mục các thiết bị thí nghiệm chính

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Máy kiểm tra đa năng (Uốn/kéo/nén)- hiển thị LCD Model: WA - 1000B và các bộ gá	NEW LUDA Trung Quốc	2020	2044	Có	HD TỐT
2	Máy nén bê tông TYA 2000 Model: TYA-2000	Trung Quốc	2020	19131	Có	HD TỐT
3	Máy nén xi măng 30 tấn Model: TYA-300 và các bộ dụng cụ đi kèm	Trung Quốc	2020	37	Có	HD TỐT
4	Máy kéo nén điện tử 10 tấn cùng phụ kiện và phần mềm đi kèm	Trung Quốc	2020	210197	Có	HD TỐT
5	Thiết bị kiểm tra độ bám dính sơn Elcometer F506-20D	Elcometer	2021	XC00920	Có	HD TỐT
6	Thiết bị xác định độ bám dính Model: LR-6000C	Trung Quốc	2020	L120080021	Có	HD TỐT
7	Máy thử mài mòn Los Angeles tự động	NanJing – Trung Quốc	2020	20905	Có	HD TỐT
8	Bộ máy nén CBR- Marshall	Trung Quốc	2020	201086	Có	HD TỐT
9	Bộ gá Marshall 2 nửa	Trung Quốc	2020	DV- TB01	Dụng cụ	
10	Khuôn CBR tiêu chuẩn - mạ cầu vồng.	Trung Quốc	2020	DV- TB02	Dụng cụ	
11	Tấm tạo mẫu CBR	Trung Quốc	2020	DV- TB03	Dụng cụ	
12	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn	Trung Quốc	2020	DV- TB04	Dụng cụ	
13	Bộ cối chày Proctor cải tiến	Trung Quốc	2020	DV- TB05	Dụng cụ	
14	Thiết bị TN bốc cháy nhựa Model: SYD-3536	Trung Quốc	2020	3536	Có	HD TỐT
15	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	Trung Quốc	2020	181203	Có	HD TỐT
16	Tủ sấy 300C, dung tích 70lít; Model: 101-1A;	Trung Quốc	2020	31444	Có	HD TỐT
17	Cân kỹ thuật 4100g x 0,01	Trung Quốc	2020	B845716532	Có	HD TỐT
18	Cân kỹ thuật 30000g x 1	Trung Quốc	2020	32273656	Có	HD TỐT

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
19	Búa bật nảy kiểm tra cường độ bê tông	Trung Quốc	2024	ZC3-A	Có	HE TỐT
20	Máy siêu âm bê tông C369N	Trung Quốc	2024	C369N/BE/0088	Có	HE TỐT
21	Máy đo cốt thép HC - YG31	Trung Quốc	2024	20224040491	Có	HE TỐT
22	Đồng hồ đo chuyển vị 50mm	Trung Quốc	2024	DE070790	Có	HE TỐT
23	Bộ đo biến dạng	SUPMEA	2025	24715764	Có	HE TỐT
24	Nhớt kế thủy tinh ostwald	Trung Quốc	20204	11	Có	HE TỐT
25	Thiết bị đo độ nhớt	Trung Quốc	2024	DV- TB06	Dụng cụ	
26	Máy thử thấm bê tông Model: HS-40	Việt Nam	2020	200727	Có	HE TỐT
27	Máy Khoan bê tông xi măng + bê tông nhựa – nhớt	Trung Quốc	2021	DV- TB07	Dụng cụ	
28	Bộ gá hờ máy thử	Việt Nam	2020	DV- TB08	Dụng cụ	
29	Khuôn đúc mẫu bê tông thử thấm bằng nhựa, loại tốt, màu xanh kích thước: 150x150mm	Việt Nam	2020	DV- TB09	Dụng cụ	
30	Thiết bị đo mô đun đàn hồi khi nén dùng cho mẫu trụ	Việt Nam	2020	DV- TB10	Dụng cụ	
31	Thiết bị thử cơ ngót cho bê tông và vữa tự chảy không co sử dụng cho mẫu 100x100x400mm (TCVN 9204-2012)	Trung Quốc	2020	DV- TB11	Dụng cụ	
32	Khuôn đúc mẫu cơ ngót dùng cho mẫu vữa tự chảy không co Kích thước: 100x100x400mm (TCVN 9204-2012)	Trung Quốc	2020	DV- TB12	Dụng cụ	
33	Thiết bị thử cơ ngót cho vữa xi măng 25x25x285 mm	Trung Quốc	2020	DV- TB13	Dụng cụ	
34	Khuôn đúc mẫu cơ ngót 25x25x285mm	Trung Quốc	2020	DV- TB14	Dụng cụ	
35	Bộ dụng cụ xác định độ chảy vữa không co bằng nhớt kế Suttard	Trung Quốc	2020	DV- TB15	Dụng cụ	
36	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	Việt Nam	2020	DV- TB16	Dụng cụ	
37	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	Việt Nam	2020	DV- TB17	Dụng cụ	
38	Phễu xác định độ xốp của	Việt Nam	2020	DV- TB18	Dụng cụ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
	đá, không kèm thùng đóng					
39	Phiếu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đóng	Việt Nam	2020	DV- TB19	Dụng cụ	
40	Bộ thùng dung trọng (1, 2, 5, 10, 20 lít)- (Hộc đóng)	Trung Quốc	2020	DV- TB20: DV- TB24	Dụng cụ	
41	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Trung Quốc	2020	DV- TB25	Dụng cụ	
42	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Trung Quốc	2020	DV- TB26	Dụng cụ	
43	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	Trung Quốc	2020	DV- TB27	Dụng cụ	
44	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: (0.14, 0.315, 0.63, 1.25, 2.5, 3.0, 5, 9.5, 10, 12.5, 15, 19, 20, 25, 30, 37.5, 40, 50, 60, 70)mm	Trung Quốc	2020	DV- TB28	Dụng cụ	
45	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	Trung Quốc	2020	DV- TB29	Dụng cụ	
46	Thiết bị hoá mềm nhựa thủ công	Trung Quốc	2020	DV- TB30	Dụng cụ	
47	Thiết bị tổn thất khi nung Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt.	Trung Quốc	2020	DV- TB31	Dụng cụ	
48	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ D150	Trung Quốc	2020	DV- TB32	Dụng cụ	
49	Máy trộn tự do 280 lít Công suất: 2,2 kW	Trung Quốc	2020	DV- TB33	Dụng cụ	
50	Khuôn thép 100x100x400 mm	Trung Quốc	2020	DV- TB34	Dụng cụ	
51	Bộ gá thí nghiệm uốn mẫu bê tông 10x10x40 cm	Trung Quốc	2020	DV- TB35	Dụng cụ	
52	Máy trộn cầm tay	Trung Quốc	2020	DV- TB36	Dụng cụ	
53	Bàn dần vữa xi măng	Trung Quốc	2020	DV- TB37	Dụng cụ	
54	Khuôn bê tông lập phương 150x150x150	Trung Quốc	2020	DV- TB38	Dụng cụ	
55	Khuôn bê tông lập phương kép ba 100x100x100	Trung Quốc	2020	DV- TB39	Dụng cụ	
56	Khuôn bê tông lập phương kép ba 70,7mm	Trung Quốc	2020	DV- TB40	Dụng cụ	
57	Khuôn bê tông trụ 150x300	Trung Quốc	2020	DV- TB41	Dụng cụ	
58	Côn thử độ sụt bê tông	Trung Quốc	2020	DV- TB42	Dụng cụ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
59	Bàn rung mẫu bê tông 800x800	Trung Quốc	2020	DV- TB43	Dụng cụ	
60	Bộ dụng cụ Vicat - TQ	Trung Quốc	2020	DV- TB44	Dụng cụ	
61	Nhiệt kế thủy ngân 0-300 ⁰ C	Trung Quốc	2020	DV- TB45	Dụng cụ	
62	Bộ capping mẫu bê tông trụ loại S420	Trung Quốc	2020	DV- TB46	Dụng cụ	
63	Nhiệt kế thủy ngân 0-100 ⁰ C	Trung Quốc	2020	DV- TB47	Dụng cụ	
64	Bơm hút chân không. Lưu tốc 60 lít/phút, cấp chân không 6.10 ⁻² mmHg.	Trung Quốc	2020	Model 2XZ-1	Dụng cụ	
65	Bình hút chân không	Trung Quốc	2020	DV- TB48	Dụng cụ	
66	Bếp điện phẳng, cách cát	Trung Quốc	2020	DV- TB49	Dụng cụ	
67	Thước kẹp 150mm/0.01mm	Trung Quốc	2020	DV- TB50	Dụng cụ	
68	NaOH kỹ thuật -	Trung Quốc	2020	DV- TB51	Dụng cụ	
69	Kính lúp -	Trung Quốc	2020	DV- TB52	Dụng cụ	
70	Chén sứ nung có nắp 50ml -	Trung Quốc	2020	DV- TB53	Dụng cụ	
71	Bộ bình tỷ trọng (50, 100, 200, 250, 500)mm	Trung Quốc	2020	DV- TB54	Dụng cụ	
72	Bộ bình tỷ trọng tam giác (50, 100, 200, 250, 500)mm	Trung Quốc	2020	DV- TB55	Dụng cụ	
73	Cốc đốt 500ml -	Trung Quốc	2020	DV- TB56	Dụng cụ	
74	Cốc đốt 1000ml -	Trung Quốc	2020	DV- TB57	Dụng cụ	
75	Quả bóp cao su -	Trung Quốc	2020	DV- TB58	Dụng cụ	
76	Pipette 2ml - 5ml -10ml - 25ml	Trung Quốc	2020	DV- TB59	Dụng cụ	
77	Sàng tiêu chuẩn D300 các cỡ xác định độ mịn bột xi măng XIYI	Trung Quốc	2020	DV- TB60	Dụng cụ	
78	Bộ Vicat Model Vicat - Jianyi	Trung Quốc	2020	DV- TB61	Dụng cụ	
79	Khuôn le chatelier Model LJ-175 - Jianyi	Trung Quốc	2020	DV- TB62	Dụng cụ	
80	Bản dẫn khuôn cone xác định hàm lượng nước	Việt Nam	2020	DV- TB63	Dụng cụ	
81	Nồi hấp mẫu xi măng	Việt Nam	2020	DV- TB64	Dụng cụ	
82	Bay và chảo trộn xi măng	Việt Nam	2020	DV- TB65	Dụng cụ	
83	Bản dẫn Jolting Model ZS-15 - XiYi	Trung Quốc	2020	DV- TB66	Dụng cụ	
84	Khuôn khối đúc mẫu xi măng XiYi	Trung Quốc	2020	DV- TB67	Dụng cụ	
85	Gá thử uốn xi măng -	Việt Nam	2020	DV- TB68	Dụng cụ	
86	Gá thử nén xi măng Jianyi	- Trung Quốc	2020	DV- TB69	Dụng cụ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
87	Phễu và bình tam giác xác định khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa. -	Việt Nam	2020	DV- TB70	Dụng cụ	
88	Khuôn khối, 3 mẫu/khuôn XiYi	Trung Quốc	2020	DV- TB71	Dụng cụ	
89	Khuôn vữa, 3 mẫu/khuôn	Việt Nam	2020	DV- TB72	Dụng cụ	
90	Bình rửa cát -	Việt Nam	2020	DV- TB73	Dụng cụ	
91	Bảng so màu -	Việt Nam	2020	DV- TB74	Dụng cụ	
92	Khuôn nén đập đá dăm, d75mm	Việt Nam	2020	DV- TB75	Dụng cụ	
93	Bộ thùng đóng	Việt Nam	2020	DV- TB76	Dụng cụ	
94	Phễu rót vật liệu	Việt Nam	2020	DV- TB77	Dụng cụ	
95	Bình rửa đá	Việt Nam	2020	DV- TB78	Dụng cụ	
96	Máy li tâm chiết nhựa Model LF-II	XiYi-Trung Quốc	2020	DV- TB79	Dụng cụ	
97	Trichloroethylen Model BMT-03.	Trung Quốc	2020	DV- TB80	Dụng cụ	
98	Bộ đầm mẫu Marshall bằng tay Model NIN-II	Trung Quốc	2020	DV- TB81	Dụng cụ	
99	Kích tháo mẫu đa năng Model TYT-3	NanJing – Trung Quốc	2020	DV- TB82	Dụng cụ	
100	Khuôn mẫu Marshall Model BMT-30	Việt Nam	2020	DV- TB83	Dụng cụ	
101	Bộ kim lún nhựa đường Model LZY-50	NanJing – Trung Quốc	2020	DV- TB84	Dụng cụ	
102	Xác định độ kéo dài Model SLY1.5	NanJing – Trung Quốc	2020	DV- TB85	Dụng cụ	
103	Hoà mềm nhựa Model LRY-35	Jianyi – Trung Quốc	2020	DV- TB86	Dụng cụ	
104	Nhiệt độ bắt lửa Model SYD-3536	- Jianyi – Trung Quốc	2020	DV- TB87	Dụng cụ	
105	Tỉ trọng kế đo đất + Bộ sàng tiêu chuẩn Model 151 H và 152 HALLA	Trung Quốc	2020	DV- TB88	Dụng cụ	
106	Bộ Casagrande -	Việt Nam	2020	DV- TB89	Dụng cụ	
107	Tấm nhám xác định giới hạn dẻo	Việt Nam	2020	DV- TB90	Dụng cụ	
108	Bộ cối chày sứ -	Trung Quốc	2020	DV- TB91	Dụng cụ	
109	Bộ cối chày Inox	Việt Nam	2020	DV- TB92	Dụng cụ	
110	Hộp nhôm d=50mm, h=35mm	Việt Nam	2020	DV- TB93	Dụng cụ	
111	Dao vòng 30cm ²	NanJing – Trung Quốc	2020	DV- TB94	Dụng cụ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

STT	Danh mục thiết bị sở hữu	Hãng/nước SX	Năm SX	Số Serial/ ID	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
112	Bộ phụ kiện CBR Model SMT-50	NanJing – Trung Quốc	2020	DV- TB95	Dụng cụ	
113	Đĩa giản cách -	Việt Nam	2020	DV- TB96	Dụng cụ	
114	Máy khuấy đất -	Trung Quốc	2020	DV- TB97	Dụng cụ	
115	Bộ cối chảy Proctor cải tiến	Việt Nam	2020	DV- TB98	Dụng cụ	
116	Bộ cối chảy Proctor tiêu chuẩn Model SMT-30 -	Việt Nam	2020	DV- TB99	Dụng cụ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

2. Danh sách nhân sự

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động số	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Trinh	1982	- Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí - Kỹ sư công nghệ kỹ thuật cơ - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý PTN chuyên ngành XD - Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý PTN theo tiêu chuẩn Iso/IEC 17025 - Chứng chỉ Thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu ngoài hiện trường; - Chứng chỉ TNV kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy - Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của VLXD .	Trưởng phòng	06-2026/HĐLĐ	
3	Thái Minh Quân	1985	- PGS – TS Cơ học vật liệu - Kỹ Sư Xây dựng cầu đường	Chuyên gia	08-2026/HĐLĐ	
3	Nguyễn Tiến Dũng	1985	- Tiến sĩ Vật liệu xây dựng - Kỹ Sư Xây dựng cầu đường - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa, nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường do Viện Nghiên Cứu Phát Triển Doanh Nghiệp vừa và Nhỏ cấp ngày 10/12/2019	Chuyên gia chất lượng, Phó phòng thí nghiệm	03-2026/HĐLĐ	0114150880
4	Nguyễn Huy Trường	1996	- Kỹ Sư Kỹ thuật xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông GTV cấp ngày 25/9/2025	Thí nghiệm viên	05-2026/HĐLĐ	121691556
5	Trần Văn Đồng	1995	- Kỹ Sư Kỹ thuật xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông cấp ngày 25/5/2025	Thí nghiệm viên	02-2026/HĐLĐ	

Công bố lần 1
Ngày 20/5/2026

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động số	Ghi chú
6	Phạm Ngọc Ánh	1965	- Bằng tốt nghiệp Nghề: TNV Kiểm tra chất lượng đường ô tô	Thí nghiệm viên	01-2026/HĐLĐ	
7	Nguyễn Văn Dương	1991	- Kỹ Sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông – Trường ĐH Xây Dựng - Chứng chỉ thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông, nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường ĐH Xây dựng cấp ngày 30/5/2018	Thí nghiệm viên	04-2026/HĐLĐ	
8	Trịnh Minh Hạnh		- Cử nhân Quản lý	Nhân viên	07-2026/HĐLĐ	



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/QĐ/TN-DEVOTEC

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Thành lập Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng Công trình)

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần thương mại và công nghệ DEVOTEC
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng Công trình:

- Tên: Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng Công trình

Địa chỉ: Số 28, Ngõ 61, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Hà nội

- Điện thoại : 0983352985 - Email: las.devotec@gmail.com

Điều 2: Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng Công trình:

- Thí nghiệm, kiểm định các công trình do công ty ký hợp đồng trong công tác thí nghiệm và kiểm định
- Nghiên cứu các quy trình, công nghệ vật liệu mới, kết cấu mới ứng dụng trong các công trình xây dựng.

Điều 3 : Tổ chức bộ máy của Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng:

- 01 Trưởng phòng thí nghiệm
- Số cán bộ công nhân viên của Phòng căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng phòng Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng và Kiểm định Chất lượng Công trình, và các cán bộ CNV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHỆ DEVOTEC

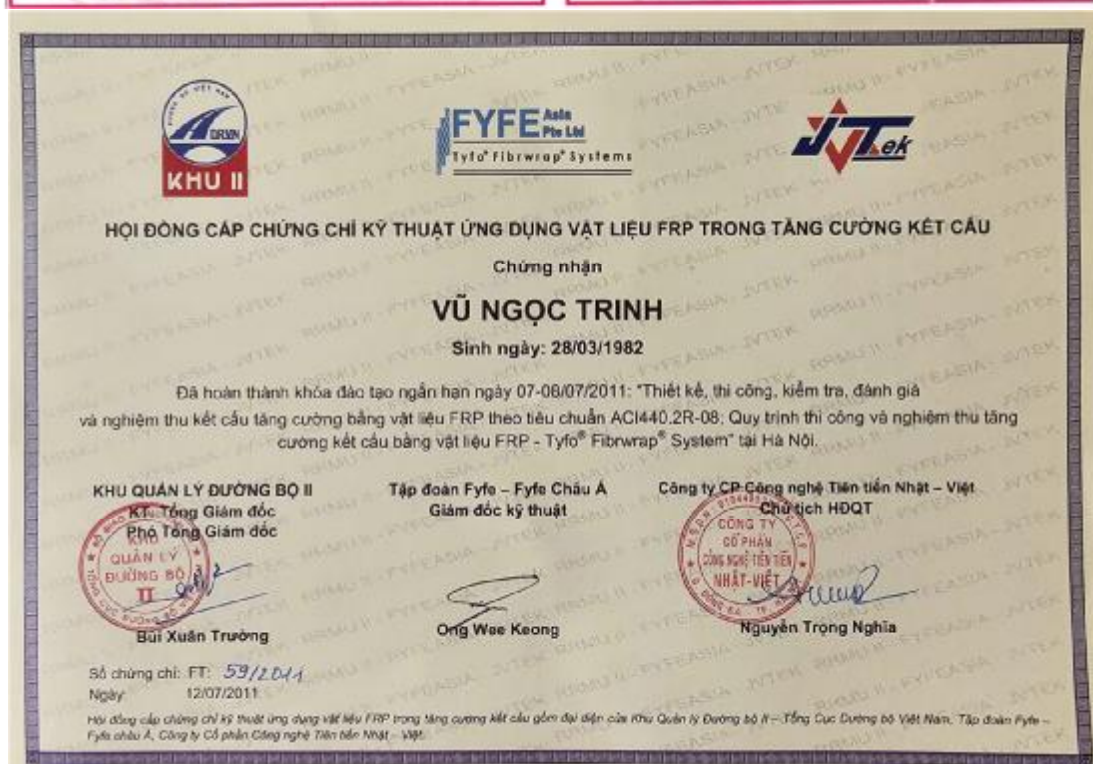


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phú Đức

BẢNG TỐT NGHIỆP VÀ CHỨNG CHỈ NHÂN SỰ





VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI CHỨNG NHẬN
It is here by certified that: Mr/Mrs: VU NGOC TRINH Has successfully passed Training Course on Testing to determine concrete strength using non-destructive methods In November 2023	Ông/Bà: VŨ NGỌC TRINH Ngày sinh: 28 - 03 - 1982 Thường trú: Hà Nội Đã hoàn thành chương trình đào tạo về: Thí nghiệm xác định cường độ bê tông bằng phương pháp không phá hủy Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây dựng tổ chức. Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2023 Kết quả học tập: Đạt loại khá.
Ref.Nº: 05945-404998B/VND-TNY	Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023  VIỆN TRƯỞNG NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHIỆT ĐỚI PGS.TSKH. Bach Linh Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc</u>
	CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
(Chữ ký của người chịu trách nhiệm)	Cấp cho Ông/Bà : Nguyễn Tiến Dũng Ngày sinh : 02/09/1985 Quê quán : Nam Định Đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ: Thí Nghiệm Tĩnh Chất Cơ Lý Bê Tông, Nhựa Và VLXD Trong Phòng Và Hiện Trường Từ ngày : 10/09/2019 Đến ngày : 10/12/2019 Đào tạo tại : TP. Hồ Chí Minh Loại : KHÁ
Số: IC003 ISARD/2019	TP. Hồ Chí Minh, ngày 15/12/2019  KIỂM VIỆN TRƯỞNG VIỆN TRƯỞNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Nguyễn Thị Ngân

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:
Mr. Nguyen Van Duong
Has successfully passed Training Course on
Field testing Methods for Determining Physical and
Mechanical Properties of asphalt and asphalt concrete
In May 2018

Ref. N°: 06/05/2018/TNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông: Nguyễn Văn Dương
Ngày sinh: 01 - 03 - 1991
Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý bê tông, nhựa và Vật
liệu xây dựng trong phòng và hiện trường
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 5 năm 2018
Kết quả học tập: Đạt loại khá.

Ngày 30 tháng 05 năm 2018



VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẰNG TỐT NGHIỆP
N G H Ì

Số hiệu bằng 49458 /GD-ĐT



Vào sổ số 152
Ngày 12 tháng 8 năm 15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG Trung học giao thông vận tải
Khu vực I

Cấp cho Phạm Ngọc Lĩnh

Sinh ngày 28.12.1965

Nguyên quán Huyện Duyên Hải, Huyện Thái Bình

Học nghề T.N.V. Kiểm tra chất lượng đường ô tô

Khoá I

Từ ngày 17.1.1994 đến ngày 8.8.1995

Tốt nghiệp hạng Khá

Theo quyết định số 341/QĐ-ĐT

Ngày 8 tháng 8 năm 1995

Hải Phòng Ngày 10 tháng 8 năm 1995



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN ĐÌNH BẢO



BỘ XÂY DỰNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT  (Chữ ký của người được cấp)  Số: 02.K168.25/VKHCN-TNV (Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT Cấp CHỨNG CHỈ Cho ông/bà: Trần Văn Đồng Sinh ngày: 25/08/1995 Nơi thường trú: Ninh Bình Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng Đã hoàn thành chương trình: Bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ lớp Thí nghiệm viên ngắn hạn Chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông Khoa: 168 Tổ chức: 04/9 ÷ 15/9/2025 Tại: Viện Khoa học và Công nghệ GTVT Xếp loại: Khá Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025 VIỆN TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  Nguyễn Văn Thành
--	---

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness THE RECTOR OF THE UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS has conferred THE DEGREE OF ENGINEER In Civil Engineering Upon: Mr. Tran Van Dong Date of birth: 25 August 1995 In: Ninh Binh Year of graduation: 2019 Degree classification: Ordinary Mode of study: Full-time Hanoi, 17 May 2019 TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHÍNH Serial number: D 003941 Reg. No: 3178/K55 1044/QĐ-ĐH GTVT ngày 17 tháng 05 năm 2019	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI cấp BẰNG KỸ SƯ Kỹ thuật xây dựng Cho: Ông Trần Văn Đồng Ngày sinh: 25/08/1995 Tại: Ninh Bình Năm tốt nghiệp: 2019 Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình Hình thức đào tạo: Chính quy Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2019 HIỆU TRƯỞNG  Nguyễn Ngọc Long Số hiệu: D 003941 Số vào sổ cấp bằng: 3178/K55 K515 Nguyễn Ngọc Long
--	--

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỦA PTN



Máy kéo nén điện tử 100KN



Tủ sấy 300 lít



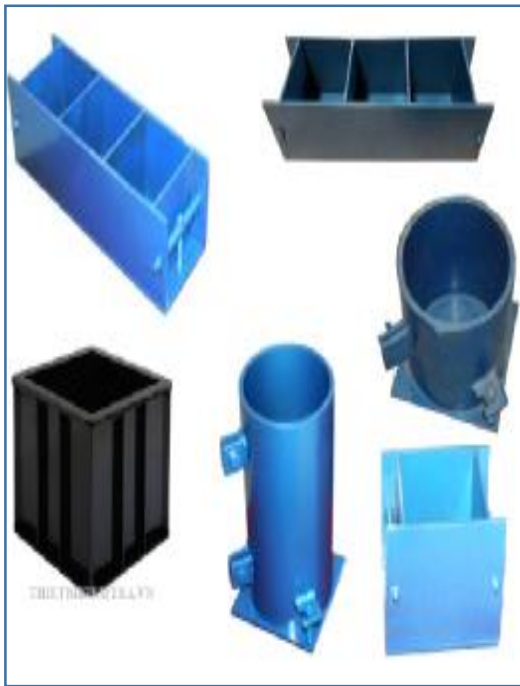
Máy nén vữa 300 kN



Máy nén bê tông 2000 kN



Máy kéo nén vạn năng 1000 kN



Khuôn bê tông các loại



Máy nén CBR



Khuôn đo co ngót



Bộ gá uốn mẫu 40x40x160



Máy trộn JJ5



Bộ gá nén mẫu 40x40x160



Bàn rung bê tông



Bộ thử độ sụt bê tông



Máy đo mài mòn Los Angeles



Máy thử thấm bê tông



Máy đo dính bám LR 6000



Máy kéo nhỏ kiểm tra dính bám Elcometer F506-20D



Bộ dụng cụ vicat



Bàn dẫn vữa



Bộ chày cối protor



Thiết bị đo co ngót bê tông



Máy trộn 250 lít



Máy đo độ nhớt điện tử